

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS - ST

Ngày: 31 – 01 - 2019

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Long.
2. Ông Nguyễn Văn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2017/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐST - DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST – DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trung K – Phó giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn K, huyện K, Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T.

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà H và ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hồ Trung K trình bày:

Căn cứ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn và chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo được Ủy ban nhân dân xã E xác nhận, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K đã giải ngân cho bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T vay tổng số tiền cụ thể như sau:

- Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường ngày vay 27/10/2015, số khế ước 6600000705885200, số tiền gốc: 12.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 48 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/ lần (trong đó ân hạn là 6 tháng chưa phải trả gốc và lãi tiền vay), hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/10/2019.

Số tiền gốc phải trả theo phân kỳ là:

- + Ngày 12/10/2016 phải trả 1.800.000đ;
- + Ngày 12/4/2017 phải trả 1.800.000đ;
- + Ngày 12/10/2017 phải trả 1.800.000đ;
- + Ngày 12/4/2018 phải trả 1.800.000đ;
- + Ngày 12/10/2018 phải trả 1.800.000đ;
- + Ngày 12/4/2019 phải trả 1.800.000đ;
- + Ngày 12/10/2019 phải trả 1.200.000đ;

Tính đến ngày 26/10/2017 dư nợ gốc đã quá hạn theo phân kỳ phải trả là 5.400.000đ.

- Chương trình cho vay hộ thoát nghèo: Ngày vay 12/10/2016, số khế ước 6600000708683053, số tiền gốc 20.000.000 đồng, lãi suất 0,6875 %/ tháng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/10/2019.

Số tiền phải trả theo phân kỳ là:

- + Ngày 12/10/2017 phải trả 7.000.000đ;
- + Ngày 12/10/2018 phải trả 7.000.000đ;
- + Ngày 12/10/2019 phải trả 6.000.000đ;

Tính đến ngày 26/10/2017 dư nợ gốc đã quá hạn phải trả theo phân kỳ là 7.000.000 đồng.

Hai khoản vay trên không bảo đảm bằng tài sản (Cho vay ủy thác qua hội phụ nữ xã E, huyện K)

Dư nợ của bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T tính đến ngày 26/10/2017 là 32.333.700 đồng (Trong đó nợ gốc là 32.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/10/2017 là 333.700 đồng).

Tính đến thời điểm xét xử bà H mới chỉ trả được số tiền cụ thể:

+ Khoản vay 12.000.000đ: Đã trả được 63.000đ tiền nợ gốc và 3.045.905đ tiền lãi. Số tiền gốc còn nợ là 11.937.000đ, nợ lãi tính đến ngày 31/01/2019 là 469.338đ.

+ Khoản vay 20.000.000đ; Đã trả được 196.166đ tiền nợ gốc và 3.039.270đ tiền lãi. Số tiền gốc còn nợ là 19.803.834đ, nợ lãi tính đến ngày 31/01/2019 là 736.444đ

Do ông Đinh Văn T và bà Lý Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Văn T và bà Lý Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ 32.946.616 đ. Trong đó nợ gốc là 31.740.834đ và tiền lãi tính đến ngày 31/01/2019 là 1.205.782đ, đồng thời phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/10/2017 đến khi trả hết nợ gốc.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lý Thị H trình bày:

Bà công nhận vào năm 2015 và năm 2016 bà vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – PGD huyện K 02 lần với tổng số tiền 32.000.000 đ (Ba mươi hai triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 27/10/2015 vay 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), thời hạn vay 48 tháng, kỳ hạn trả nợ là 6 tháng/ lần. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 12/10/2016. Mục đích vay là đào giếng và làm nhà vệ sinh.

- Ngày 12/10/2016 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng,

kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/ lần. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 12/10/2017. Mục đích vay là cải tạo đất và chăm sóc vườn cà phê.

Hình thức vay vốn: Vay tín chấp thông qua hội phụ nữ.

Sau khi vay thì bà và gia đình đã sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng đầy đủ đến tháng 8/2018. Riêng số tiền nợ gốc mặc dù cho đến nay đã quá hạn thanh toán nợ nhiều kỳ nhưng bà chỉ mới trả được một ít. Lý do chưa trả được nợ là vào cuối năm 2017 thì bà và ông Đinh Văn T đã ly hôn. Khi ly hôn hai bên đã tự thỏa thuận việc phân chia tài sản và thanh toán nợ, ông T là người chịu trách nhiệm trả nợ nhưng đã không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận.

Hiện nay Ngân hàng khởi kiện bà và ông T, yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 31.740.834 đồng và tiền lãi phát sinh là đúng, vì bà và ông T vay tiền của Ngân hàng đã quá thời hạn trả nợ gốc nhiều kỳ, nhưng chưa trả được mà chỉ mới trả được tiền lãi. Vì số tiền trên bà vay về sử dụng cho mục đích gia đình, thời điểm đó bà và ông T chưa xảy ra mâu thuẫn và chưa giải quyết việc ly hôn nên bà đề nghị Tòa án buộc ông T cùng có trách nhiệm trả số nợ trên với bà.

- Trong quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Ông không biết bà Hạnh vay tiền của Ngân hàng chính sách vào thời gian nào và sử dụng vào mục đích gì. Chữ ký “Đinh Quang T” tại mục “Người thừa kế” của sổ vay vốn ngân hàng chính sách không phải là chữ ký của ông, ông không hề ký vay nợ số tiền trên. Mặc dù ông không ký tên vào sổ vay vốn, không biết số tiền vay sử dụng vào mục đích gì và ông và bà H đã ly hôn vào tháng 10/2017. Tuy nhiên, số nợ trên là nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước và bà H vay trong thời kỳ hôn nhân với ông nên ông chấp nhận có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn là bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam với bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng bà H và ông T không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng với bà H, ông T là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3

Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

- Về số lượng nợ: Căn cứ vào tài liệu do các đương sự cung cấp và ý kiến, yêu cầu của các đương sự đã có cơ sở xác định: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch K đã cho bà Lý Thị H vay số tiền là 32.000.000đ, bao gồm: Ngày 27/10/2015 vay 12.000.000 đồng; ngày 12/10/2016 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận nội dung việc vay tiền nêu trên và theo số liệu tính toán thì hiện nay bà H còn nợ ngân hàng số tiền là 32.946.616 đồng. Trong đó nợ gốc là 31.740.834 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/01/2019 là 1.205.782 đồng. Vì vậy HĐXX xác định số tiền mà bà H còn nợ đến ngày xét xử là 32.946.616 đồng (Gốc là 31.740.834đ lãi là 1.205.782đ).

- Về thời hạn trả nợ: Cả hai khoản vay mà bà H đã vay của ngân hàng đều có thỏa thuận trả nợ theo phân kỳ, cụ thể: Khoản vay 12.000.000 đồng có thời hạn vay 48 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/ lần (trong đó ân hạn là 6 tháng chưa phải trả gốc và lãi tiền vay, Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 12/10/2016; khoản vay 20.000.000đ có thời hạn vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 12/10/2017. Đến nay bà H chưa trả nợ cho ngân hàng, mặc dù đã quá hạn nhiều kỳ, việc bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo phân kỳ như đã cam kết là đã vi phạm thời hạn trả nợ. Vì vậy việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số nợ là có căn cứ.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bà H và ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trong việc trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Văn T cho rằng không biết bà H vay tiền của Ngân hàng chính sách vào thời gian nào và sử dụng vào mục đích gì. Chữ ký “Đinh Quang T” tại mục “Người thừa kế” của sổ vay vốn ngân hàng chính sách không phải là chữ ký của ông nên ông chỉ chấp nhận trả $\frac{1}{2}$ số nợ. HĐXX xét thấy: Bà H là người đứng tên tại sổ vay vốn, khoản vay của bà H được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông T còn tồn tại, khoản tiền mà bà H vay là nguồn vốn của nhà nước hỗ trợ phát triển kinh tế của hộ gia đình, theo kết quả xác minh thì số tiền mà bà H vay được sử dụng đúng mục đích đã phê duyệt. Khi ly hôn thì ông T và bà H chưa phân chia tài sản và chưa phân chia nghĩa vụ trả nợ, nên ông T và bà H phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần buộc ông T cùng có trách nhiệm liên đới với bà H trong việc trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông T và bà H có tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ, thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, buộc bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam toàn bộ số tiền 32.946.616 đồng (Gốc là 31.740.834đ, lãi là 1.205.782đ), đồng thời buộc bà H và ông T phải chịu lãi suất tiếp theo đối với số nợ gốc theo quy định của ngân hàng, kể từ ngày 01/02/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4]. Về án phí: Bà H và ông T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

1. Buộc bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền 32.946.616đ (Ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm mười sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là 31.740.834 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/01/2019 là 1.205.782 đồng.

Bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày 01/02/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

2. Về án phí: Bà Lý Thị H và ông Đinh Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 là ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Ngọc San